TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲ HỢP** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/HS-ST
Ngày 30 tháng 8 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Văn Đạt.
Các Hội thẩm: Ông Lê Văn Thanh.
Ông Vi Văn Bốn.
Thư ký phiên toà: Ông Trần Anh Quân.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ an xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2024/HSST ngày 02 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST-HS, ngày 15/8/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đỗ Hữu N; Giới tính N1; tên gọi khác: Không; sinh năm 1993 huyện Q, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: xóm T, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông: Đỗ Ngọc L con bà Hoàng Thị H; vợ: Phạm Thị T; Con có 02 người, lớn 09 tuổi, nhỏ 04 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2014, bị Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An tuyên phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Cố ý gây thương tích". Bị cáo được tại ngoại đến nay. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Duy H1, sinh năm 1981.
Nơi cư trú: xóm D, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1992.
Nơi thường trú: thôn Đ, xã H, huyện N, Hải Dương.Nơi tạm trú: xóm M, xã M, huyện Q, Nghệ An.Vắng mặt.

3. Chị Cao Thị Tố U, sinh năm 1994.
Nơi cư trú: xóm M, xã M, huyện Q, Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2023 đến ngày 09/5/2024, Đỗ Hữu N cho 03 người vay với lãi suất vượt quá quy định của Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính như sau:

Đỗ Hữu N cho Nguyễn Duy H1 các lần như sau:

Lần thứ nhất vào tháng 02/2023, N cho anh H1 vay số tiền 20.000.000 đồng. Thời hạn vay tính đến ngày trả tiền gốc. Lãi suất hai bên tự thoả thuận là 5.000 đồng/1000.000 đồng/ngày tương đương 0,5%/ngày = 15%/tháng = 180%/năm. Hàng tháng anh H1 phải trả số tiền lãi là 3.000.000 đồng cho N. Lãi suất bắt đầu trả từ tháng 3/2023. Đến tháng 8 năm 2023 thì anh H1 trả đủ số tiền lãi cho N và trả 10.000.000 đồng tiền gốc, còn 10.000.000 tiền gốc còn lại H1 tiếp tục vay N.

Số tiền lãi mà N đã thu của H1 là: 3.000.000 đồng x 06 tháng = 18.000.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định (không quá 20%/năm) là: 20.000.000 đồng x 1,6666%/ tháng = 333.320 đồng x 06 tháng = 1.999.920 đồng. Sồ tiền lãi bất hợp pháp mà N thu lợi là 18.000.000 đồng - 1.999.920 đồng = 16.000.080 đồng.

Lần thứ hai: Tháng 9/2023, Đỗ Hữu N cho anh Nguyễn Duy H1 vay số tiền 10.000.000 đồng (tiền gốc của khoản vay thứ nhất). Thời hạn trả vay tính đến ngày trả tiền gốc. Lãi suất là 0,5%/ngày = 15%/tháng = 180%/năm. Hàng tháng anh H1 phải trả số tiền lãi là 1.500.000 đồng cho N. Đến tháng 11 năm 2023 thì anh H1 trả đủ số tiền lãi cho N và tiếp tục vay tiền gốc. Số tiền lãi mà N đã thu của H1 trong 3 tháng là 4.500.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 499.980 đồng. Sồ tiền lãi bất hợp pháp mà N thu lợi là 4.000.020 đồng.

Lần thứ ba: Tháng 11 năm 2023, Đỗ Hữu N cho Nguyễn Duy H1 vay số tiền 20.000.000 đồng cộng với 10.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay thứ hai, tổng là 30.000.000 đồng. Thời vay tính đến ngày trả tiền gốc. Lãi suất là 0,5%/ngày = 15%/tháng = 180%/năm. Hàng tháng anh H1 phải trả số tiền lãi là 4.500.000 đồng cho N. Lãi suất bắt đầu trả từ tháng 12 năm 2023. Số tiền lãi tháng 12 N đã thu của H1 là 4.500.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 499.980 đồng. Số tiền lãi bất hợp pháp mà N thu lợi là 4.000.020 đồng.

Tháng 01, 02 và tháng 4 năm 2024, H1 chưa trả lãi cho N, còn tháng 3/2024, H1 trả 2.000.000 đồng tiền lãi cho N. Tiền lãi theo quy định là 499.980 đồng. Tiền lãi bất hợp pháp là N thu lợi là 1.500.020 đồng.

Số tiền lãi mà anh H1 phải trả cho N đối với khoản vay thứ 3 trong thời gian từ tháng 12 đến tháng 4/2024 (trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, ngày 09/5/2024 N bị bắt). Tính từ tháng 12/2023 đến ngày 25/4/2024 số tiền lãi phải trả theo thoả thuận là 4.500.000 đồng x 05 tháng = 22.500.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định (không quá 20%/năm) là: 30.000.000 đồng x 1,6666%/ tháng = 499.980 đồng x 5 tháng = 2.499.900 đồng. Số tiền lãi bất hợp pháp mà N thu lợi là 22.500.000 đồng - 2.499.900 đồng = 20.000.100 đồng.

Như vậy tổng số tiền lãi suất theo thoả thuận phải trả và đã trả giữa N với H1 trong 3 khoản vay trên là: 18.000.000 đồng + 4.500.000 đồng + 22.500.000 đồng = 45.000.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định (không quá 20%/năm) là: 1.999.920 đồng + 499.980 đồng + 2.499.900 đồng = 4.999.800 đồng. Số tiền lãi bất hợp pháp mà N thu lợi là: 45.000.000 đồng - 4.999.800 đồng = 40.000.200 đồng.

Đỗ Hữu N cho Nguyễn Văn K vay: Tháng 5/2023, N cho anh K vay số tiền 10.000.000 đồng. Thời hạn vay tính đến ngày trả tiền gốc. Lãi suất hai bên tự thoả thuận là 0,5%/ngày = 15%/tháng = 180%/năm. Hàng tháng anh K phải

trả số tiền lãi là 1.500.000 đồng cho N. Lãi suất bắt đầu trả từ tháng 3/2023. Đến tháng 12 năm 2023 thì anh K trả đủ số tiền lãi cho N. Tháng 01/2024 anh K đã trả đủ tiền gốc cho N. Số tiền lãi mà N đã thu của anh K là 10.500.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 1.166.620 đồng. Sồ tiền lãi bất hợp pháp mà N thu lợi là 9.333.380 đồng.

Đỗ Hữu N cho Cao Thị Tố U vay: Lần thứ nhất vào tháng 10/2023, N cho chị Cao Thị Tố U vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng 20 ngày sẽ trả đủ gốc và lãi. Lãi suất hai bên tự thoả thuận là 0,4%/ngày = 12%/tháng = 144%/năm. Đến tháng 11 chị U trả đủ tiền gốc. Số tiền lãi thực tế mà N đã thu của U là 2.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 277.766 đồng. Số tiền lãi bất hợp pháp mà N thu lợi là 1.722.234 đồng.

Lần thứ hai: Tháng 12/2023, Đỗ Hữu N cho chị Cao Thị Tố U vay số tiền 15.000.000 đồng, trong thời hạn 01 tháng 20 ngày sẽ trả đủ tiền gốc và lãi. Lãi suất hai bên tự thoả thuận là 0,4%/ngày = 12%/tháng = 144%/năm. Đến tháng 01/2024 chị U trả đủ tiền gốc. Số tiền lãi thực tế mà N đã thu của U là 3.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 416.650 đồng. Số tiền lãi bất hợp pháp mà N thu lợi là 2.583.350 đồng.

Lần thứ ba: Tháng 01/2024, Đỗ Hữu N cho chị Cao Thị Tố U vay số tiền 20.000.000 đồng, trong thời hạn 01 tháng 20 ngày sẽ trả đủ tiền gốc và lãi. Lãi suất hai bên tự thoả thuận là 0,4%/ngày = 12%/tháng = 144%/năm. Đến tháng 02/2024 chị U trả đủ tiền gốc. Số tiền lãi thực tế mà N đã thu của U là 4.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 555.533 đồng. Số tiền lãi bất hợp pháp mà N thu lợi là 3.444.467 đồng.

Lần thứ tư: Tháng 4/2024, Đỗ Hữu N cho chị Cao Thị Tố U vay số tiền 15.000.000 đồng, trong thời hạn 01 tháng 20 ngày sẽ trả đủ tiền gốc và lãi. Lãi suất hai bên tự thoả thuận là 0,4%/ngày = 12%/tháng = 144%/năm. Tính đến ngày 09/5/2024 chị U mới trả được 14 ngày tiền gốc với số tiền là 4.200.000 đồng, chị U còn vay N số tiền 10.800.000 đồng.

Số tiền lãi mà N đã thu của chị U là 3.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 416.650 đồng. Số tiền lãi bất hợp pháp mà nghĩa thu lợi là 2.583.350 đồng.

Trong bốn lần vay nêu trên của chị Cao Thị Tố U, số tiền lãi theo quy định là 1.666.599 đồng. Số tiền lãi bất hợp pháp mà N thu lợi của chị Cao Thị Tố U là 10.333.401 đồng.

Đỗ Hữu N cho Nguyễn Duy H1 và Nguyễn Văn K vay với lãi suất vượt quá 20%/năm thu lợi bất chính của H1 số tiền 40.000.000 đồng, thu lợi bất chính của K số tiền 9.333.000 đồng. Đỗ Hữu N cho Cao Thị Tố U vay với lãi suất với lãi suất vượt quá 20%/năm thu lợi bất chính của U số tiền 10.333.000 đồng. Như vậy tổng số tiền thu lợi bất chính là 59.666.000 đồng.

Về vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu APPLE, loại Iphone X, màu đen, trong máy có sim số 0976.194.666 của Đỗ Hữu N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu TECNO POVA3 của chị Cao Thị Tố U.

- Các tài liệu được lưu vào hồ sơ vụ án: Sao kê tài khoản ngân hàng A số tài khoản 3612215007879 của Nguyễn Duy H1; 01 sao kê tài khoản ngân hàng

B, số tài khoản 5130633200 (số tài khoản cũ 51310000633200) của Đỗ Hữu N; 01 sao kê tài khoản ngân hàng B số tài khoản 8888996668 của Đỗ Hữu N; 01 sao kê tài khoản ngân hàng 5130.047.73752 của Nguyễn Văn K.

Bản cáo trạng số: 57/CT-VKS-QH, ngày 02/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Đỗ Hữu N về tội "Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS. Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đỗ Hữu N về "Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Hữu N từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập mỗi tháng 500.000 đ.

Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước của Đỗ Hữu N 01 điện thoại di động nhãn hiệu APPLE, loại Iphone X, màu đen, trong máy có sim số 0976.194.666. Trả lại cho chị Cao Thị Tố U 01 điện thoại di động nhãn hiệu TECNO POVA3, màu xanh đen.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS, khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Truy thu của bị cáo Đỗ Hữu N để nộp ngân sách Nhà nước những khoản sau: Số tiền gốc cho vay và tiền lãi trong hạn là 75.533.000 đồng.

Truy thu số tiền gốc và lãi trong hạn của Nguyễn Duy H1 vay bị cáo Đỗ Hữu Nghĩa l 31.500.000 đồng.

Truy thu số tiền gốc và lãi trong hạn của Cao Thị Tố U vay bị cáo Đỗ Hữu Nghĩa l 10.800.000 đồng.

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Đến nay chúng tôi không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền thu lợi bất chính và không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Do vậy số tiền lãi vượt mức 20% hợp pháp do bị cáo Đỗ Hữu N thu của anh H1, anh K và chị U là 45.166.000 đồng, nay anh H1, anh K và chị U không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này nên miễn xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng.

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội, chứng xác định không có tội.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận hành vi của mình phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với nội dung cáo trạng, vật chứng thu giữ được cũng như các chứng cứ tài liệu điều tra khác đã thu thập hợp pháp. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ tháng 02 năm 2023 đến ngày 09/5/2024, Đỗ Hữu N cho Nguyễn Duy H1 và Nguyễn Văn K vay với lãi suất 0,5%/ngày, 15%/tháng, 180% năm, tức lãi suất gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm), thu lợi bất chính của H1 40.000.000 đồng, của K 9.333.000 đồng. Đỗ Hữu N cho Cao Thị T1 vay với lãi suất 0,4%/ngày và 12%/tháng, 144%/năm tức lãi suất gấp 7,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm), thu lợi bất chính của U là 10.333.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo N phải chịu trách nhiệm hình sự là 59.666.000 đồng. Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp truy tố bị cáo Đỗ Hữu N về tội "Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS là có căn cứ pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xét tính chất của vụ án, đây là một vụ án ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo giáo dục và góp phần phòng ngừa chung.

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy rằng: Bị cáo Đỗ Hữu N không có tiền án, tiền sự, có nhân thân. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện nộp số tiền là phương tiện công cụ phạm tội 10.000.000đ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy, đây là tội phạm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, Do vậy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

[4] Về vật chứng: Sung quỹ nhà nước của Đỗ Hữu N 01 điện thoại di động nhãn hiệu APPLE, loại Iphone X, màu đen, trong máy có sim số 0976.194.666. Trả lại cho chị Cao Thị Tố U 01 điện thoại di động nhãn hiệu TECNO POVA3. Đây là những vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội.

[5] Về biện pháp tư pháp: Điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS, khoản 2 Điều 106 BLTTHS,

Truy thu đối với Nguyễn Duy H1 số tiền 31.500.000đ, Cao Thị Tố U số tiền 10.800.000đ, số tiền này anh H1 và chị U đã nộp đầy đủ. Đối với Đỗ Hữu N truy thu số tiền làm phương tiện phạm tội và tiền lãi trong hạn bất hợp pháp là 75.533.000đ, bị cáo đã nộp được 10.000.000đ, buộc bị cáo phải tiếp tục nộp số tiền còn lại.

[7] Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016

của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Đỗ Hữu N phạm tội "Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Hữu N: **15** (*mười lăm*) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập mỗi tháng 500.000đ/tháng. Giao bị cáo Đỗ Hữu N cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trong trường hợp bị cáo Đỗ Hữu N thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

[2] Về biện pháp tư pháp: Điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS, khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Buộc bị cáo Đỗ Hữu N phải nộp số tiền 75.533.000đ được khấu trừ 10.000.000đ bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳ Hợp theo biên lai thu tiền số 0007368, ngày 29/8/2024, bị cáo phải tiếp tục nộp số tiền còn lại là 65.533.000 đồng.

Đối với anh Nguyễn Duy H1 phải nộp số tiền 31.500.000đ, nhưng được khấu trừ số tiền 31.500.000đ mà anh H1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳ Hợp theo biên lai thu tiền số 0007369, ngày 29/8/2024.

Đối với chị Cao Thị Tố U phải nộp số tiền 10.800.000đ, nhưng được khấu trừ số tiền 10.800.000đ mà chị U đã nộp Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳ Hợp theo biên lai thu tiền số 0007370, ngày 29/8/2024.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLHS. Tịch thu sung quỹ Nhà nước của Đỗ Hữu N 01 điện thoại di động nhãn hiệu APPLE, loại Iphone X, màu đen, trong máy có sim số 0976.194.666. Trả lại cho chị Cao Thị Tố U 01 điện thoại di động nhãn hiệu TECNO POVA3, màu xanh đen. Chi tiết thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳ Hợp.

[4] Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, bị cáo Đỗ Hữu N phải chịu án phí HSST là 200.000đ (*hai trăm ngàn đồng*).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận
-PGĐ kiểm tra TA Tỉnh N.
-VKSND huyện Quỳ Hợp.
-VKSND tỉnh Nghệ An.
-Công an huyện Q.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Những người tham gia tố tụng.
- Chi cục THADS huyện Q.
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An. Đào Văn Đ
-Lưu hồ sơ vụ án.
-UBND xã M.